

Bản án số: 149/2024/DS-PT

Ngày: 04/6/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vĩnh Yên.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hồng Luyến.

Ông Nguyễn Đình Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Ánh Nhi – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Vũ Thị Hồng Uyên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2023, Thông báo mở lại phiên tòa số 334/TB-TA ngày 25/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 293/2024/QĐ-PT ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị K, sinh năm 1974.

ĐKTT: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Hồng H, sinh năm 1965.

ĐKTT: Tổ A, khu A, TT G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Võ Thị H1, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số F, đường N, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lê Việt D – là Luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà Bùi Thị Ngọc Q, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số H, khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà H1, bà H và Luật sư D có mặt; bà K và bà Q xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị K trình bày:**

Bà Trần Thị K và bà Huỳnh Thị Hồng H quen biết nhau qua các mối quan hệ làm ăn nên bà K có cho bà H vay tiền nhiều lần để làm ăn với lãi suất theo các bên thỏa thuận là mặc định 3%/tháng với tất cả các khoản vay. Do số tiền bà H vay nhiều, một mình bà K không đủ tiền để cho vay nên bà K đã góp tiền cùng với bà Bùi Thị Ngọc Q để cho bà H vay. Vì có nhiều khoản vay khác nhau và có những khoản bà H đã thanh toán, có những khoản chưa thanh toán cho bà K và bà Q nên ngày 19/5/2019, bà K, bà Q và bà H đã lập văn bản để thống nhất số nợ còn lại mà bà H còn nợ bà K và bà Q. Theo đó, tính đến ngày 19/5/2019, bà H còn nợ bà K và bà Q số tiền 1.450.000.000 đồng, trong đó nợ bà K số tiền 800.000.000 đồng; Nợ bà Q số tiền 650.000.000 đồng. Về phần lãi suất trong văn bản không thể hiện vì bà K, bà Q và bà H có quen biết làm ăn với nhau và mức lãi suất các bên thỏa thuận qua nhiều lần vay luôn mặc định với nhau là 3%/tháng.

Theo văn bản lập ngày 19/5/2019 thì bà H cam kết trong vòng một tuần kể từ ngày 19/5/2019 bà H sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 1,7 ha tại xã S cho bà K và bà Q với giá thỏa thuận là 1.100.000.000 đồng để khấu trừ khoản nợ. Số tiền nợ 350.000.000 đồng còn lại bà H sẽ thanh toán bằng tiền mặt. Tuy nhiên đến thời hạn như đã thỏa thuận, bà H không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà K và bà Q và cũng không thanh toán khoản tiền 350.000.000 đồng như đã cam kết trong văn bản xác nhận nợ ngày 19/5/2019. Do đó từ ngày 27/5/2019, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho bà K và bà Q nên phải chịu lãi suất quá hạn. Vì vậy, bà K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Huỳnh Thị Hồng H thanh toán cho bà K số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/ năm và lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Đối với số tiền của bà Q cho bà H vay chung với bà K là 650.000.000 đồng thì tùy bà Q quyết định, bà K không có ý kiến.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng H trình bày:**

Bà hoàn toàn không biết số nợ mà bà Trần Thị K và bà Bùi Thị Ngọc Q kiện đòi bà. Bà H không đồng ý với yêu cầu đòi tiền của bà K và bà Q vì đây là sự việc do bà K và bà Q toan tính rồi tự viết ra. Bà K và bà Q đã tự giả mạo giấy xác nhận nợ nhằm chiếm đoạt của bà H số tiền 1.450.000.000 đồng và ở cuối văn bản xác nhận nợ bà K và bà Q đã giả mạo chữ ký, chữ viết của bà H. Chẳng có 1,7 ha đất nào có giá 1.100.000.000 đồng và nếu như bà H có vay tiền của bà K và bà Q thì phải làm giấy tờ vay với đầy đủ nội dung rõ ràng cụ thể, nhưng bà H không vay và không làm giấy vay với bà K và bà H nên không có cơ sở để đòi bà H số

tiền 1.450.000.000 đồng, trong đó nợ bà K 800.000.000 đồng và nợ bà Q 650.000.000 đồng theo như đơn khởi kiện của bà K và yêu cầu độc lập của bà Q.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Bùi Thị Ngọc Q trình bày:**

Bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà K. Bà Q và bà K cho bà H vay tiền nhiều lần, bà H dùng tiền vào mục đích gì thì bà không biết. Tổng số tiền cho vay là 1.450.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng nhưng bà H không trả được nên bà K mới viết văn bản xác nhận nợ ngày 19/5/2019 có chữ ký của bà H. Khi bà K viết xác nhận nợ nêu trên thì bà Q là người chứng kiến. Trong tổng số tiền 1.450.000.000 đồng nêu trên thì bà H nợ bà Q 650.000.000 đồng, còn bà H nợ bà K 800.000.000 đồng. Theo văn bản ngày 19/5/2019 thì bà H có cam kết trong vòng một tuần kể từ ngày 19/5/2019 sẽ chuyển nhượng cho bà và bà K diện tích đất ở xã S để khấu trừ nợ với giá 1.100.000.000 đồng và trả tiền mặt 350.000.000 đồng nhưng đến hết thời hạn thực hiện mà bà H vẫn không làm đúng theo cam kết. Nay bà Q yêu cầu bà H trả số tiền nợ gốc và lãi thì bà Q cũng có yêu cầu độc lập, yêu cầu bà H trả lại cho bà số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/ năm và lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

- Tại bản án sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đã :

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 180, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị K và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Ngọc Q.

Buộc bà Huỳnh Thị Hồng H thanh toán cho bà Trần Thị K số tiền là 1.067.333.333 đồng (*một tỷ, không trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*).

Buộc bà Huỳnh Thị Hồng H thanh toán cho bà Bùi Thị Ngọc Q số tiền là 867.208.333 đồng (*tám trăm sáu mươi bảy triệu, hai trăm lẻ tám nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả tiền, án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 25/10/2022 bà H nộp đơn kháng cáo bản án số 51/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy bản án sơ thẩm số 51/2022 do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bác toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

*** Ý kiến của Luật sư Lê Việt D là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:**

Luật sư cho rằng cấp sơ thẩm chưa xác định rõ “giấy vay tiền ghi ngày 19/5/2019” mà nguyên đơn cung cấp có phải bị đơn nợ nguyên đơn hay không? hay là khoản vay nợ trước đây đã giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 07/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc và bản án dân sự phúc thẩm số 144/2020/DS-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để xác định đã giải quyết xong.

Cấp sơ thẩm chưa xác định phần nợ trên là nợ gì, vay từ thời gian nào và tại sao có tờ giấy chốt nợ nêu trên.

Cấp sơ thẩm chưa xác định 1,7 ha đất ghi trong tờ giấy vay tiền là đất ở đâu củ ai. Vì bà H khai rằng bà hoàn toàn không biết. Cấp sơ thẩm còn chưa đổi chất làm rõ các sự việc nêu trên, điều tra, xác minh thu thập chứng cứ còn thiếu, quá trình giải quyết vụ án vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy bản án sơ thẩm số: 51/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

*** Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:**

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy các đương sự giao dịch với nhau có xác lập hợp đồng bằng văn bản về hình thức và về nội dung đúng quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm bị đơn có yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết trong “giấy vay tiền ghi ngày 19/5/2019” cho rằng không phải là chữ ký của bị đơn, nhưng tại kết luận giám định số 4725/KL-KTHS ngày 02/10/2023 của Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh và Tại kết luận số: 976/KL-KTHS ngày 12/04/2024 của Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

1. Chữ ký dạng chữ viết “Hoa”, chữ viết họ tên “Huỳnh Thị Hồng H” dưới nội dung “và thanh toán số tiền 350.000.000” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết họ tên “Huỳnh Thị Hồng H” dùng làm mẫu so sánh trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M4, M6 và chữ ký, chữ viết đúng tên Huỳnh Thị Hồng H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5 là do cùng một người ký và viết ra.

2. Chữ ký “Hoa”, chữ viết “Huỳnh Thị Hồng H” so với toàn bộ chữ viết còn lại trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A là có cùng màu mực.

3. Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh không tiến hành giám định thời điểm ký và viết có cùng thời điểm hay không.

Như vậy văn bản xác nhận nợ ngày 19/5/2019 có chữ ký và chữ viết của bà H là có thật như đã được giám định.

Cấp sơ thẩm đã xét xử buộc bà Huỳnh Thị Hồng H thanh toán cho bà Trần Thị K số tiền là 1.067.333.333 đồng và buộc bà Huỳnh Thị Hồng H thanh toán cho bà Bùi Thị Ngọc Q số tiền là 867.208.333 đồng là đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo bà Huỳnh Thị Hồng H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng H làm trong thời hạn luật định, đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bà H có nộp đơn đề nghị giám định bổ sung và giám định lại “giấy vay tiền ghi ngày 19/5/2019”. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H không có yêu cầu và đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về kháng cáo của bà Huỳnh Thị Hồng H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy bản án sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bác toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tại cấp phúc thẩm bị đơn kháng cáo cho rằng bị đơn không có vay tiền của nguyên đơn nhưng bị đơn không có cung cấp được chứng cứ gì mới để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Bị đơn cho rằng chữ ký và viết giấy vay tiền ghi ngày 19/5/2019 không phải là của bị đơn và đề nghị Tòa phúc thẩm cho giám định lại. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tạm ngừng phiên tòa để cho bị đơn cung cấp các tài liệu giám định, bị đơn có đơn yêu cầu giám định. Tòa cấp phúc thẩm ban hành quyết định trưng cầu giám định theo yêu cầu của bị đơn tại Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh của Bộ C. Tại kết luận giám định số 4725/KL-KTHS ngày 02/10/2023 của Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Chữ viết họ tên “Huỳnh Thị Hồng H”, chữ ký dạng chữ viết “Hoa” dưới nội dung “và thanh toán số tiền 350.000.000” trên tài liệu ký hiệu A so với chữ viết họ tên “Huỳnh Thị Hồng H” trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M4, M6 và chữ viết, chữ ký đứng tên Huỳnh Thị Hồng H trên tài liệu ký hiệu từ M5 là do cùng một người viết và ký ra.

Ngày 0/11/2023 bà H có nộp đơn đề nghị giám định lại và giám định bổ sung “chữ ký và chữ viết có cùng màu mực và cùng thời điểm không”.

Tại kết luận số: 976/KL-KTHS ngày 12/04/2024 của Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

1. Chữ ký dạng chữ viết “Hoa”, chữ viết họ tên “Huỳnh Thị Hồng Hoa” dưới nội dung “và thanh toán số tiền 350.000.000” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết họ tên “Huỳnh Thị Hồng H” dùng làm mẫu so sánh trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M4, M6 và chữ ký, chữ viết đứng tên Huỳnh Thị Hồng H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5 là do cùng một người ký và viết ra.

2. Chữ ký “Hoa”, chữ viết “Huỳnh Thị Hồng Hoa” so với toàn bộ chữ viết còn lại trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A là có cùng màu mực.

3. Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh không tiến hành giám định thời điểm ký và viết có cùng thời điểm hay không.

Như vậy văn bản xác nhận nợ ngày 19/5/2019 có chữ ký và chữ viết của bà H là có thật như đã được giám định.

Tại cấp sơ thẩm theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị K về việc buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng H phải trả tiền nợ gốc 800.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật 10%/năm và lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Ngọc Q có yêu cầu độc lập về việc buộc bà Huỳnh Thị Hồng H phải trả tiền nợ gốc 650.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật 10%/năm và lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Buộc bà Huỳnh Thị Hồng H thanh toán cho bà Trần Thị K số tiền là 1.067.333.333 đồng (*một tỷ, không trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*); Buộc bà Huỳnh Thị Hồng H thanh toán cho bà Bùi Thị Ngọc Q số tiền là 867.208.333 đồng (*tám trăm sáu mươi bảy triệu, hai trăm lẻ tám nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*) là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng H kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm vì cho rằng bản án sơ thẩm đã vi phạm như sau:

- Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc chậm giao bản án cho bà H (ngày 30/9/2022 vụ án được đưa ra xét xử, bà H vắng mặt và ngày 24/10/2022 Tòa án mới giao bản án cho bà H (Bút lục số 86) là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 269 BLTTDS, vi phạm này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Bà H cho rằng do Tòa chậm giao bản án cho bà là hành vi cố ý làm mất quyền kháng cáo của bà là không đúng, vì căn cứ quy định tại khoản 1 điều 273 BLTTDS quy định thì trường hợp bà H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ

ngày bà nhận được bản án, ngày 24/10/2022 bà H nhận được bản án nên ngày 25/10/2022 bà H làm đơn kháng cáo là không mất quyền kháng cáo.

- Bà H cho rằng quá trình giải quyết bà đã có bản tự khai ngày 19/7/2021 đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ sang Công an huyện X để làm rõ tội “làm giả tài liệu” nhằm chiếm đoạt tài sản của công dân đối với bà Bùi Thị Ngọc Q và Trần Thị K nhưng thẩm phán không có bất cứ ý kiến phản hồi bằng văn bản cho bà là vi phạm nghiêm trọng tố tụng, nhận thấy: Thẩm phán không vi phạm nghiêm trọng tố tụng như nội dung bà H kháng cáo. Trường hợp bà H muốn tố cáo bà Q bà K có hành vi làm giả tài liệu thì bà H phải làm đơn kèm tài liệu chứng chứng minh đến cơ quan Công an để được xem xét giải quyết, ở đây bà H mới chỉ có bản tự khai trình bày ý kiến về việc khởi kiện của bà Kim bà Q1 đối với bà, bà kháng cáo cho rằng thẩm phán không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho bà là vi phạm nghiêm trọng là không có căn cứ.

- Bà H kháng cáo cho rằng quá trình giải quyết thẩm phán không tiến hành lấy lời khai của bà là vi phạm nghiêm trọng tố tụng, nhận thấy: Quá trình tòa án giải quyết triệu tập bà H lên làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải giấy triệu tập bà H đã nhận nhưng bà H vắng mặt không đến Tòa làm việc theo giấy triệu tập, nên nội dung kháng cáo này là không có cơ sở chấp nhận.

- Bà H kháng cáo cho rằng thẩm phán không tiến hành đối chất giữa bà và bà Kim bà Q1 mà chỉ tiến hành đối chất giữa bà K và bà Q1 là vi phạm tố tụng, nhận thấy: Như đã phân tích ở nội dung thứ ba do bà H không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa mà vắng mặt suốt quá trình tố tụng nên Tòa án không thể tiến hành làm việc lấy lời khai, đối chất, công khai chứng cứ và hòa giải được. Do đó nội dung kháng cáo này cũng không có cơ sở chấp nhận.

- Bà H kháng cáo cho rằng Tòa án gửi giấy triệu tập cho bà tham gia xét xử không tuân thủ về mặt thời gian, đột xuất triệu tập bà tham gia phiên tòa chỉ 1, 2 ngày khiến bà ở xa không sắp xếp được là không có căn cứ vì Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà H ký nhận là đã tổng đạt hợp lệ, luật không quy định trường hợp tổng đạt văn bản tố tụng trực tiếp cho đương sự thì phải bao nhiêu ngày mới được mở phiên tòa, và theo quy định tại khoản 2 Điều 174 BLTTDS quy định “*Người có nghĩa vụ thi hành các văn bản tố tụng đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ phải nghiêm chỉnh chấp hành*”. Ngày 13/9/2022 bà H ký nhận biên bản giao nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-DS ngày 05/9/2022, bà cho rằng bà nhận được quyết định chỉ còn có 02 ngày do nhà xa bà không đến kịp, trường hợp bà không thu xếp thời gian tham gia phiên tòa được thời bà có quyền làm đơn xin hoãn phiên tòa lần thứ nhất để Tòa án ấn định mở lại vào ngày khác, mặt khác nhà bà H ở thị trấn G không xa so với trụ sở Tòa án nên việc bà cho rằng nhà xa bà không đến tham gia

phiên tòa được là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm tố tụng như nội dung bà kháng cáo.

- Bà cho rằng Tòa án không làm rõ chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra là thật hay giả. Tòa án đã có văn bản yêu cầu bà cung cấp tài liệu chứng cứ để bà chứng minh giấy xác nhận nợ ngày 19/5/2019 không phải chữ ký chữ viết của bà, nhưng quá thời hạn bà không cung cấp chữ ký chữ viết mẫu, không yêu cầu tòa án tiến hành giám định để Tòa án làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án theo quy định tại điều 91 BLTTDS thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự.

- Bà H cho rằng Tòa không làm rõ thửa đất 1,7 mẫu trị giá 1,1 tỷ tại xã S có hay không. Đối với thửa đất này không phải là đối tượng tranh chấp trong vụ án mà chỉ là các bên đương sự thể hiện gán nợ trong giấy xác nhận nợ ngày 19/5/2019 mà thôi, nên Tòa án không có trách nhiệm phải xác minh, do đó bà H kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng là không có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến trình bày của Luật sư Lê Việt D là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không đúng quy định của pháp luật, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng bà H được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006950 ngày 02/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Về chi phí giám định bà H phải chịu 5.211.000 đồng bà H đã thanh toán xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Hồng H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 51/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 180, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị K và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Ngọc Q.

Buộc bà Huỳnh Thị Hồng H thanh toán cho bà Trần Thị K số tiền là 1.067.333.333 đồng (*một tỷ, không trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*).

Buộc bà Huỳnh Thị Hồng H thanh toán cho bà Bùi Thị Ngọc Q số tiền là 867.208.333 đồng (*tám trăm sáu mươi bảy triệu, hai trăm lẻ tám nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (*sau khi bản án có hiệu lực pháp luật*) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Huỳnh Thị Hồng H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 44.019.999 đồng (*Bốn mươi bốn triệu, không trăm mười chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng*) đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K và 38.016.249 đồng (*Ba mươi tám triệu, không trăm mười sáu nghìn, hai trăm bốn mươi chín đồng*) đối với yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị Ngọc Q. Tổng số tiền bà Huỳnh Thị Hồng H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 82.036.248 đồng (*T mươi hai triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng*)

Hoàn trả cho bà Trần Thị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) theo biên lai thu số 0009474 ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị Ngọc Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*) theo biên lai thu số 0006730 ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng bà H được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006950 ngày 02/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Về chi phí giám định bà H phải chịu 5.211.000 đồng bà H đã thanh toán xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Vĩnh Yên